

Số: 08

Ngày 04/03/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển.

2. Giảm tối thiểu 30% lối đi tự mở vào năm 2021, xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt vào năm 2025.

3. Việc tổ chức họ chỉ được thực hiện nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia quan hệ về họ.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao.

5. Triển khai các giải pháp không chế dịch tả lợn Châu Phi.

6. Tất cả văn bản điện tử bắt buộc ký số trước khi phát trên môi trường mạng.

7. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù là người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Quy định về nội dung chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước?

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước?

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ?

4. Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước?

1. CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM LÀ LỰC LƯỢNG NÒNG CỐT THỰC THI PHÁP LUẬT VÀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ, AN TOÀN TRÊN BIỂN.

Đây là nội dung được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam, do Quốc hội thông qua ngày 19/11/2018. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2019. Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam số 03/2008/PL-UBTVQH12 sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/07/2019.

Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức tập trung, thống nhất theo phân cấp từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đến đơn vị cấp cơ sở. Thực hiện nhiệm vụ chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh và xử lý hành vi vi phạm pháp luật. Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, quản lý an ninh, trật tự, an toàn trên biển với phát triển kinh tế biển.

Nghiêm cấm các hành vi chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ. Mua chuộc, hối lộ hoặc ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam làm trái chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn. Giả danh cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam; giả mạo tàu thuyền, phương tiện của Cảnh sát biển Việt Nam; làm giả, mua bán, sử dụng trái phép trang

phục, con dấu, giấy tờ của Cảnh sát biển Việt Nam.

Khi thi hành nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được sử dụng vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng quân dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; được quyền nổ súng vào tàu thuyền trên biển, trừ tàu thuyền của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, tàu thuyền có chở người hoặc có con tin, để dừng tàu thuyền, thuộc một trong trường hợp: đối tượng điều khiển tàu thuyền đó tấn công hoặc đe dọa trực tiếp đến tính mạng người thi hành công vụ hoặc người khác; khi biết rõ tàu thuyền do đối tượng phạm tội điều khiển cố tình chạy trốn; khi biết rõ tàu thuyền chở đối tượng phạm tội hoặc chở vũ khí, vật liệu nổ trái phép, tài liệu phản động, bí mật nhà nước, ma túy, bảo vật quốc gia cố tình chạy trốn; khi tàu thuyền có đối tượng đã thực hiện hành vi cướp biển, cướp có vũ trang theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của pháp luật về hình sự cố tình chạy trốn. Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền và phương tiện vi phạm pháp luật; tìm kiếm cứu nạn; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển nghiêm trọng, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được huy động người, tàu thuyền và phương

tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

Ngoài các nội dung trên, Luật còn quy định cụ thể về nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam; thực thi pháp luật trên biển của cảnh sát biển Việt Nam; hợp tác quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam; quản lý nhà nước và trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

2. GIẢM TỐI THIỂU 30% LỐI ĐI TỰ MỞ VÀO NĂM 2021, XÓA BỎ CÁC LỐI ĐI TỰ MỞ QUA ĐƯỜNG SẮT VÀO NĂM 2025

Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 – 2021 của Chính phủ quy định: giao Bộ Giao thông Vận tải đưa ra lộ trình cụ thể để xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt vào năm 2025, giảm tối thiểu 30% lối đi tự mở vào năm 2021.

Chính phủ cũng yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải nghiên cứu sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008, nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật có liên quan đến trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông; ban hành quy định bắt buộc chủ đầu tư khi lập dự án đầu tư công trình xây dựng lớn phải thiết kế phương án kết nối giao thông vào đường quốc lộ, đường chính trong đô thị, tính toán nhu cầu giao thông phát sinh của công trình, bảo đảm an toàn

giao thông và không gây ùn tắc giao thông; khẩn trương xây dựng và trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch toàn ngành và các quy hoạch chuyên ngành thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; cập nhật và tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng giao thông đã được phê duyệt; khẩn trương đưa tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông vào vận hành thương mại và chuyển giao để UBNDTP Hà Nội quản lý, vận hành.

Nghị quyết nêu rõ, không xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng nhà nước đối với tập thể UBND cấp tỉnh, huyện, xã và chủ tịch UBND - Trưởng ban An toàn giao thông tỉnh, huyện nếu trong năm để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn mà nguyên nhân đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nhưng chưa khắc phục (điểm đen về tai nạn giao thông, đường dân sinh, lối đi tự mở, đường ngang đường sắt).

3. VIỆC TỔ CHỨC HỌ CHỈ ĐƯỢC THỰC HIỆN NHẪM MỤC ĐÍCH TƯƠNG TRỢ LẦN NHAU GIỮA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA QUAN HỆ VỀ HỌ.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phùng quy định rõ việc tổ chức họ phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; chỉ được tổ chức họ nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia quan hệ về họ; không được tổ

chức họ để cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Chủ họ và các thành viên tham gia họ là người từ đủ mười tám tuổi trở lên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Bộ luật dân sự. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 05/04/2019.

Về lãi suất trong họ có lãi, Nghị định quy định: lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ vượt quá lãi suất giới hạn nêu trên thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ, thành viên chưa lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Nghị định cũng quy định cụ thể trách nhiệm pháp lý của chủ họ và các thành viên, trách nhiệm của thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ khi đến kỳ mở họ, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm phát sinh.

4. QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Ngày 15/02/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 07/2019/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện ngoại giao (HVNG). Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2019, thay thế Quyết định số 75/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của HVNG.

HVNG là tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao, thực hiện chức năng nghiên cứu chiến lược về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại; thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại. HVNG có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng theo quy định, có trụ sở tại Hà Nội.

Các nhiệm vụ cụ thể gồm: Nghiên cứu khoa học về tình hình thế giới, khu vực và Biển Đông, quan hệ quốc tế, các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, luật pháp, văn hóa và chính sách đối ngoại của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

trong việc xây dựng, hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học về quan hệ quốc tế, luật quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế, ngoại ngữ và các chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật...

Cơ cấu tổ chức của HVNG gồm: Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao; Viện Biển Đông; Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại; Trung tâm Thông tin, Tư liệu; Văn phòng; Ban Đào tạo; Phòng Quản lý khoa học và 08 khoa đào tạo chuyên ngành. Lãnh đạo học viện gồm Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc. Giám đốc Học viện Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về toàn bộ hoạt động của Học viện; Phó Giám đốc Học viện Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện Ngoại giao về lĩnh vực công tác được phân công.

5. TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KHỐNG CHẾ BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI.

Ngày 20/02/2019 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 04/CT-TTg về việc triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách khống chế bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp cấp bách để khống chế bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; tập trung nguồn lực để tổ chức xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để phát sinh ổ dịch mới; tổ

chức xử lý tiêu hủy động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, chết; tổng vệ sinh, phun thuốc khử trùng, tiêu độc (bằng vôi bột, hóa chất...); kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp buôn bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật làm lây lan dịch bệnh; chủ động tổ chức giám sát, lấy mẫu xét nghiệm tại phòng thí nghiệm có thẩm quyền để xét nghiệm, xác định chính xác tác nhân gây bệnh; giám sát chặt chẽ tại cửa khẩu, đường mòn, lối mở khu vực biên giới đối với người và phương tiện vận chuyển xuất phát từ các nước có bệnh Dịch tả lợn Châu Phi nhập cảnh vào Việt Nam; giám sát chặt chẽ nơi buôn bán, giết mổ, trung chuyển lợn; thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc sau mỗi buổi họp chợ, mỗi ca giết mổ lợn; xây dựng phương án đóng cửa chợ, cơ sở giết mổ, nơi buôn bán lợn, các sản phẩm của lợn và có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện bệnh.

Các cơ quan thông tin đại chúng thông tin kịp thời, chính xác cho người dân về diễn biến tình hình bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; tổ chức thông tin, tuyên truyền liên tục để người chăn nuôi và cộng đồng hiểu rõ mức độ nguy hiểm của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, các biện pháp xử lý, mức và thời gian hỗ trợ của nhà nước đối với động vật nghi mắc bệnh, đã mắc bệnh, chết và buộc phải tiêu hủy để ngăn chặn dịch bệnh lây lan. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin kịp thời, chính xác cho người dân về diễn biến

tình hình bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và các biện pháp phòng chống dịch theo nguyên tắc vừa bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, vừa bảo vệ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, tránh gây hoang mang trong xã hội.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đề xuất kinh phí phục vụ công tác phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; đề

xuất phương án hỗ trợ kinh phí trong trường hợp phát hiện lợn và các sản phẩm của lợn dương tính với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và buộc phải tiêu hủy; rà soát mức hỗ trợ kinh phí và cơ chế, thời gian hỗ trợ để người chăn nuôi tích cực hợp tác, báo cáo dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. TẤT CẢ VĂN BẢN ĐIỆN TỬ BẮT BUỘC KÝ SỐ TRƯỚC KHI PHÁT TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG.

Ngày 27/02/2019, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) ban hành Quyết định số 03/QĐ-TTX về Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trong các đơn vị trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam.

Theo đó, tất cả các văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của TTXVN phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, trang điều hành tác nghiệp trừ trường hợp Bên gửi hoặc Bên nhận chưa đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, giải pháp kết nối liên thông để gửi, nhận văn bản điện tử. Văn bản điện tử đã ký số được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy và thay thế cho việc gửi, nhận văn bản giấy. Các đơn vị phải sử dụng hệ

thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, trang thông tin điều hành tác nghiệp để gửi, nhận văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan với nhau. Các đơn vị trong cơ quan không phát hành văn bản giấy đến bên nhận khi đã gửi văn bản điện tử. Bên nhận có quyền từ chối nhận văn bản điện tử nếu văn bản điện tử đó không bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu về gửi, nhận và phải chịu trách nhiệm về việc từ chối nhận và phản hồi cho bên gửi được biết thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc Trực liên thông văn bản quốc gia.

Tất cả văn bản điện tử bắt buộc ký số trước khi phát lên môi trường mạng. Văn thư cập nhật thông tin phát hành văn bản trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sau đó gửi văn bản điện tử đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin mà nơi đó sử dụng để tiếp nhận văn bản điện tử, đồng thời gửi kèm bản giấy

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

(đã ký và đóng dấu). Văn bản điện tử của các cơ quan và các đơn vị phải thể hiện các thông tin: mã định danh cơ quan, đơn vị, tổ chức; mã định danh văn bản; số và ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm văn bản; mức độ khẩn, thời hạn xử lý...

Nghiêm cấm các hành vi: phát tán virus, phần mềm độc hại; truy cập trái phép, tạo thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật; cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quy trình truyền, gửi và nhận văn bản điện tử; thay đổi, xóa, hủy, tiết lộ, hiện thi, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản điện tử.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

7. PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ, VÙNG SÂU, VÙNG XA, BIÊN GIỚI HẢI ĐẢO.

Ngày 22/02/2019 Bộ Tư pháp ban hành quyết định số 455/QĐ-BTP về Kế hoạch công tác năm 2019 của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (Vụ).

Theo đó, các nhiệm vụ chủ yếu của Vụ trong năm 2019 là xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật

của cán bộ, nhân dân. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) chú trọng tuyên truyền tới những người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình, người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Công tác PBGDPL 2019 hướng tới mục đích thực hiện hiệu quả phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn (cấp xã) đạt tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 và phối hợp quản lý nhà nước về xây dựng thực hiện hương ước, quy ước.

Kinh phí thực hiện các hoạt động tại Kế hoạch này được bố trí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật PBGDPL, Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

Dự thảo nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật công an nhân dân đang được Bộ Công an tổ chức lấy ý kiến góp ý.

Số 08 ngày 04/03/2019 trang 7/10

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân về chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, hy sinh, tử trận, thôi phục vụ trong Công an nhân dân; chế độ, chính sách đối với công nhân công an; việc kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân; bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Công an nhân dân.

Theo đó, sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân được nghỉ hưu khi đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, hết hạn tuổi phục vụ có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, đã được thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương được 2/3 thời hạn trở lên... Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành sang biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí công việc phù hợp, miễn thi tuyển, xếp và hưởng lương theo công việc mới nếu chuyển sang doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được hưởng trợ cấp thôi phục vụ trong Công an nhân dân, đồng thời được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội. Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan xuất ngũ mà không đủ điều kiện để nghỉ hưu hoặc chuyển ngành được trợ cấp tạo việc làm, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp xuất ngũ một lần. Sĩ quan, hạ sĩ quan đã xuất ngũ về địa phương trong thời gian không quá 01 năm (không quá 12 tháng) kể từ ngày quyết định xuất ngũ có hiệu lực, nếu tìm được việc làm mới và có yêu cầu chuyển ngành thì phải hoàn trả chế độ

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

trợ cấp nếu có nguyện vọng được nộp lại số tiền bảo hiểm xã hội một lần đã nhận để bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội...

Ngoài ra, Dự thảo còn quy định về chế độ chính sách đối với công nhân công an hoàn thành công việc được giao, đạt tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật quy định và nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch thì được xét nâng một bậc lương thường xuyên sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương đối với người có hệ số lương từ 3,95 trở xuống và sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương đối với người có hệ số lương trên 3,95. Trong thời hạn xét nâng bậc lương, nếu bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kéo dài thời hạn nâng bậc lương 06 tháng; nếu bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kéo dài thời hạn nâng bậc lương 12 tháng. Trường hợp lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thì được nâng bậc lương trước thời hạn tối đa 12 tháng hoặc vượt bậc. Công nhân công an hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ được giao, có năng lực đảm nhiệm vị trí việc làm cao hơn trong cùng ngành, nghề chuyên môn kỹ thuật, có văn bằng phù hợp thì được xét hoặc thi nâng ngạch.

Hạn tuổi phục vụ cao nhất của công nhân công an thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động; cụ thể: Nam: 60, Nữ: 55. Sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ để

giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công nghệ ở cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trong Công an nhân dân và có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ nhiều lần, mỗi lần không quá 02 năm (24 tháng) để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công nghệ ở cơ

sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trong Công an nhân dân. Tổng thời gian kéo dài không quá 10 năm đối với giáo sư; không quá 7 năm đối với phó giáo sư; không quá 5 năm đối với tiến sĩ, chuyên gia cao cấp.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Nội dung chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được quy định như thế nào?

*** Trả lời:** Điều 7 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định nội dung chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước gồm các thành phần sau:

1. Tên báo cáo.
2. Nội dung yêu cầu báo cáo.
3. Đối tượng thực hiện báo cáo.
4. Cơ quan nhận báo cáo.
5. Phương thức gửi, nhận báo cáo.
6. Thời hạn gửi báo cáo.
7. Tần suất thực hiện báo cáo.
8. Thời gian chốt số liệu báo cáo.
9. Mẫu đề cương báo cáo.
10. Biểu mẫu số liệu báo cáo.
11. Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

2. Hỏi: Báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được gửi, nhận bằng những phương thức nào?

*** Trả lời:** Khoản 4 điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế và yêu cầu của cơ quan ban hành chế độ báo cáo, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

1. Gửi trực tiếp.
2. Gửi qua dịch vụ bưu chính.
3. Gửi qua Fax.
4. Gửi qua hệ thống thư điện tử.
5. Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
6. Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Hỏi: Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ?

*** Trả lời:** Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ như sau:

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng:
Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý:
Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng:
Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14

* **Trả lời:** Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ như sau:

1. Thời hạn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào ngày 25 của

tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ hằng năm:
Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Hỏi: Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước?

tháng cuối kỳ báo cáo, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khoản 1 Điều này và các yêu cầu cụ thể về thông tin báo cáo, đối tượng báo cáo để quy định thời hạn gửi báo cáo phù hợp khi ban hành chế độ báo cáo định kỳ./.